

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/7/2020

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Nguyên Thoại

2. Bà Vũ Thị Hòa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Kim Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2020/TLST- HNGĐ ngày 16/3/2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX-ST ngày 12/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-DSST ngày 30/6/2020, giữa:

1- Nguyên đơn: Anh Đỗ Đức L - Sinh năm: 1975. ĐKKHKT: Tổ 14, phường Bình Minh, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai (cũ). Nay là Tổ 19, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai – Có mặt.

2- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hải Y - sinh năm: 1982. ĐKKHKT: Tổ 14, phường Bình Minh, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai (cũ). Nay là Tổ 19, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đỗ Đức L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Hải Y tự nguyện kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ, chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2010 thì

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự thông cảm, chia sẻ lẫn nhau. Mâu thuẫn đã được bạn bè, gia đình hòa giải nhưng không thành. Từ tháng 12/2018 anh L đã 03 lần đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết ly hôn với chị Y nhưng lại rút đơn để vợ chồng hòa giải đoàn tụ nhưng sau về chung sống mâu thuẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 8/2019 anh L, chị Y đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hải Y.

- Về quan hệ con chung: Anh, chị có 02 người con chung là cháu Đỗ Hải Anh, sinh ngày 18/6/2006 và cháu Đỗ Huệ Chi, sinh ngày 22/12/2014. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Hải Y phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị công nhận về thời gian, điều kiện và địa điểm đăng ký kết hôn như anh Đỗ Đức L trình bày là đúng sự thật. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc. Đến năm 2008 chị cùng cháu Đỗ Hải Anh chuyển ra thành phố Lào Cai sinh sống, đến cuối năm 2013 anh L cũng chuyển công tác ra thành phố Lào Cai và đến năm 2014, chị sinh cháu thứ hai là Đỗ Huệ Chi. Trong cuộc sống vợ chồng không có bất hòa hay mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 2018, công việc của chị có sự thay đổi, cuộc sống vợ chồng khó khăn, chồng chị (anh Đỗ Đức L) đã nhiều lần gửi đơn ra Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xin ly hôn với chị nhưng lại rút về để đoàn tụ. Đến nay, anh L lại nộp đơn xin ly hôn với chị, xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn vì vậy chị không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng chị được đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Chị Y xác nhận anh, chị có 02 người con chung là cháu Đỗ Hải Anh, sinh ngày 18/6/2006 và cháu Đỗ Huệ Chi, sinh ngày 22/12/2014. Chị không đồng ý ly hôn nên chị không đồng ý việc giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp, nếu phải ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị Y không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn; Về quan hệ con chung: Khi ly hôn anh đề nghị để chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Huệ Chi vì hiện nay cháu Chi còn nhỏ và đang sinh sống với chị Y, còn anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải Anh, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Y đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn gửi cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ

các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Đức L. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Đức L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hải Y; Về con chung: Giao cháu Đỗ Hải Anh, sinh ngày 18/6/2006 cho anh Đỗ Đức L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Đỗ Huệ Chi, sinh ngày 22/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét. Tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ về trình tự tố tụng quy định. Đối với bị đơn, tại phiên tòa ngày 30/6/2020, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt do đó Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 23/7/2020 Tòa án tiếp tục mở phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp :

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đỗ Đức L trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa xét thấy: Anh L và chị Y kết hôn với nhau năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa anh L và chị Y là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt và làm ăn kinh tế. Từ tháng 12/2018 anh L đã 03 lần làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết để anh được ly hôn với chị Y nhưng anh lại rút đơn về để vợ chồng hòa giải đoàn tụ, tuy nhiên sau khi về sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không những không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 8/2019 vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau, mỗi người một nơi. Quá trình giải quyết vụ án, anh L có cung cấp đơn xin xác nhận mâu thuẫn gia đình và 03 quyết định đình

chỉ giải quyết vụ án ly hôn của Tòa án. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đỗ Đức L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 người con chung là cháu Đỗ Hải Anh, sinh ngày 18/6/2006 và cháu Đỗ Huệ Chi, sinh ngày 22/12/2014. Khi ly hôn anh L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải Anh và đề chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Huệ Chi đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với chị Y, tại phiên hòa giải chị không đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh L nên chị không đồng ý việc giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, trường hợp nếu phải ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tòa xét thấy, về điều kiện nuôi dưỡng: Anh L và chị Y đều là công chức và cùng có thu nhập ổn định, đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con như nhau nhưng hiện nay cháu Đỗ Hải Anh đang sinh sống cùng với anh L và khi Tòa án lấy ý kiến của cháu Hải Anh theo quy định của pháp luật, cháu Hải Anh có đề nghị được chung sống với bố (anh Đỗ Đức L) vì hiện nay cháu đang trực tiếp sinh sống với anh L và anh L có điều kiện chăm sóc cho cháu tốt hơn; Đối với cháu Đỗ Huệ Chi, hiện nay do cháu còn nhỏ tuổi đang sinh sống cùng mẹ (chị Y), cháu cần sự chăm sóc yêu thương của người mẹ nhiều hơn. Vì vậy để ổn định việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Đỗ Hải Anh cho anh Đỗ Đức L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đỗ Huệ Chi cho chị Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu 18 tuổi; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Đỗ Đức L chịu tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Đức L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Đức L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hải Y. Hôn nhân giữa anh L và chị Y chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hải Anh, sinh ngày 18/6/2006 cho anh Đỗ Đức L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Đỗ Huệ Chi, sinh ngày 22/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Đỗ Đức L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2012/0006684 ngày 16/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai. Xác nhận anh L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP Lào Cai (02);
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- UBND xã Si Ma Cai-H.Si Ma Cai-Lào Cai;
- (Kết hôn ngày 03/11/2003)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; tập án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Tùng